| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 4 - HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| **Số: 719/2026/QĐST-HNGĐ** | *Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 721/2026/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2026 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

**1. Anh Nguyễn Hiệp T,** sinh năm 1976;

Địa chỉ: Căn hộ 301 ĐN chung cư 2A – VCN 7, số 136 HTM, phường PD, Thành phố HN.

**2. Chị Lưu Thị Thu P,** sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phòng B0804 Tòa N01-T1 Khu NGĐ, phường XĐ, Thành phố HN.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P kết hôn ngày 05/12/2007 tại UBND phường QH, quận CG, thành phố HN. Quá trình chung sống vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nay, anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Lưu Hà P (nam), sinh ngày 16/10/2008 và cháu Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 21/9/2012. Khi ly hôn, chị Lưu Thị Thu P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T; anh Nguyễn Hiệp T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Lưu Hà P. Về cấp dưỡng, Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự lo chỗ ở mới sau khi ly hôn.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Hiệp T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm. Chị Lưu Thị Thu P đồng ý để anh Nguyễn Hiệp T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/5/2026 không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Lưu Hà P (nam), sinh ngày 16/10/2008 và cháu Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 21/9/2012. Giao cháu Nguyễn Minh T cho chị Lưu Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Lưu Hà P cho anh Nguyễn Hiệp T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P tự lo chỗ ở mới sau khi ly hôn. Nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Hiệp T và chị Lưu Thị Thu P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hiệp T chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Hiệp T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội (Biên lai thu số 0012228 ngày 21/5/2026) nay được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- VKS khu vực 4 – Hà Nội;*
*- Đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Quốc Tuấn***